

PHÒNG GD&ĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC PHƯỚC SANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2021 - 2022

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGD&ĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: học sinh

a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		48%	33,9%	37,00%	31,5%	39,6%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		52%	66,1%	63,00%	68,5%	60,4%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
8	Tự nhiên và Xã hội	291	52	59	54	73	53
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		48%	33,9%	37,00%		
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		52%	66,1%	63,00%		
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
9	Âm nhạc	291	52	59	54	73	53
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		44,2%	33,9%	20,3%	24,6%	22,6%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		55,8%	66,1%	79,7%	75,4%	77,4%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
10	Mĩ thuật	291	52	59	54	73	53
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		46,2	33,9%	14,8%	23,2%	22,6%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		53,8	66,1%	85,2	76,8	77,4%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
11	Thủ công (Kỹ thuật)	291	52	59	54	73	53
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)				29,6%	31,5%	39,6%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)				70,4%	68,5%	60,4%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
12	Thể dục	291	52	59	54	73	53
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		50%	47,5%	22,2	60,2%	73,6%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		50%	52,5	77,8	39,8%	26,4
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm	291	52	59	54	73	53
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		88,5%	96,6%	96,3%	98,1%	100%
a	Trong đó Học sinh khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)		47%	30,5%	22,2%	22,00%	17%
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)		11,5%	3,4%	3,7	1,4	0

6	Tin học	291				73	53
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)				16,7%	24,6%	19%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)				83,3%	75,4%	81%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
7	Đạo đức	291	52	59	54	73	53
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		48%	33,9%	37,00%	31,5%	39,6%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		52%	66,1%	63,00%	68,5%	60,4%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
8	Tự nhiên và Xã hội	291	52	59	54	73	53
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		48%	33,9%	37,00%		
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		52%	66,1%	63,00%		
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
9	Âm nhạc	291	52	59	54	73	53
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		44,2%	33,9%	20,3%	24,6%	22,6%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		55,8%	66,1%	79,7%	75,4%	77,4%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
10	Mĩ thuật	291	52	59	54	73	53
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		46,2	33,9%	14,8%	23,2%	22,6%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		53,8	66,1%	85,2	76,8	77,4%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
11	Thủ công (Kỹ thuật)	291	52	59	54	73	53
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)				29,6%	31,5%	39,6%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)				70,4%	68,5%	60,4%
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
12	Thể dục	291	52	59	54	73	53
a	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)		50%	47,5%	22,2	60,2%	73,6%
b	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)		50%	52,5	77,8	39,8%	26,4
c	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
VI	Tổng hợp kết quả cuối năm	291	52	59	54	73	53
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		88,5%	96,6%	96,3%	98,1%	100%
a	Trong đó Học sinh khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)		47%	30,5%	22,2%	22,00%	17%
b	Học sinh được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)						
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)		11,5%	3,4%	3,7	1,4	0

Phước Sang, ngày 07 tháng 11 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Trương Minh Cường